

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **300/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 15/12/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phan Thanh Tùng - Cán bộ Trung tâm y tế huyện Hàm Yên.

2. Ông: Nguyễn Duy Sự - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2020/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn Nh, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/11/2013. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ 2014 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng giữa chị với anh H không còn, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- *Về con chung*: Chị và anh Hoàng Văn H có 01 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 16/12/2013. Sau khi ly hôn chị nhất trí để anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T đến khi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai anh Hoàng Văn H trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị T có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi sinh con được khoảng 20 ngày chị T xin phép về nhà bố mẹ đẻ chơi và chị T đi luôn từ đó không về chung sống cùng anh nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có cãi chửi nhau. Từ khi sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nay chị T xin ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- *Về con chung*: Anh và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 16/12/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung*: Anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh H đề nghị không tiến hành hòa giải dẫn đến việc không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Chị T và anh H kết hôn với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ngày 12/11/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị T và anh H sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 16/12/2013 cho anh Hoàng Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/11/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối và ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Ngoài ra thấy rằng quá trình giải quyết vụ án anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể quay về đoàn tụ gia đình và nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T với anh H có 01 con chung là cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 16/12/2013, hiện cháu đang ở cùng anh H. Quá trình giải quyết vụ án anh H có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Tuyên đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị T cũng nhất trí để anh H nuôi dưỡng cháu Tuyên sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và anh H sống ly thân (năm 2014) anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuyên từ đó đến nay. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Hoàng Văn Tuyên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Hoàng Văn T cho anh Hoàng Văn H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh H không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T và anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị T và anh H cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 16/12/2013 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002267, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Phù Lưu (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Văn Tuyến

1

